

Bản án số: 08/2017/KDTM-ST

Ngày: 21/6/2017

V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THẮT - TP HÀ NỘI

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Yên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Mai;

Ông Nguyễn Văn Chiến.

Đại diện Viên kiểm sát tham gia phiên tòa: Ông Phùng Xuân Đại – Kiểm sát viên

Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Thị Thịnh – Thư ký tòa án nhân dân huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội.

Ngày 21/6/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 23/2017/TLST-KDTM ngày 20/4/2017 về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2017/QĐXX-KDTM ngày 9/6/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc Tế Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 1, 6, 7 Tòa nhà CornerStone, số 16 Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc Vũ – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Thu Hà – Chức vụ: Giám đốc Trung tâm quản lý nợ khách hàng cá nhân, Khối quản trị rủi ro.

Đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng: Bà Nguyễn Thị Hương và ông Nguyễn Duy Bốn. Bà Hương vắng mặt, ông Bốn có mặt.

Bị đơn:

1. Ông Kiều Cao S, sinh năm 1960;
2. Bà Kiều Thị T, sinh năm 1962.

Cùng trú tại: Thôn L, xã Đ, huyện Thạch Thất, Hà Nội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Kiều Cao H, sinh năm 1982;
2. Chị Vũ Thị L, sinh năm 1983;
3. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1986.

Cùng trú tại: Thôn L, xã Đ, huyện Thạch Thất, Hà Nội.

Ông S, anh H, chị L và chị H ủy quyền cho bà T theo giấy ủy quyền ngày 25/4/2017. Bà T có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 6/10/2015 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất, đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn là ông Nguyễn Duy Bốn trình bày:

Năm 2011 Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam cấp tín dụng cho ông Kiều Cao S và bà Kiều Thị T theo Hợp đồng tín dụng số 053/HĐTD1-VIB058/11 ngày 11/10/2011 cụ thể như sau:

- Số tiền vay là: **500.000.000đồng (bằng chữ: Năm trăm triệu đồng chẵn).**
- Giải ngân theo Khế ước nhận nợ số : 053.1/KUNN1-VIB058/11 ngày 11/10/2011 số tiền : 500.000.000đồng.
- Mục đích vay: Bổ sung vốn mua sắm trang thiết bị tiêu dùng.
- Thời hạn vay: 48 tháng.
- Phương thức trả nợ: Trả gốc đều hàng tháng, mỗi tháng trả 10.420.000đồng, lãi trả hàng tháng vào ngày 05 hàng tháng.
- Lãi suất vay: Lãi suất cho vay bằng 22.8%/năm, điều chỉnh 03 tháng/lần, bằng lãi suất điều chuyển vốn kinh doanh VND kỳ hạn 03 tháng của VIB + lãi biên tối thiểu 4.8%/năm, chịu sự điều chỉnh theo chính sách lãi suất của VIB từng thời kỳ. phù hợp với quy định của pháp luật. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay là: Quyền sử dụng 209m² đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 416 tờ bản đồ số 13. Địa chỉ thửa đất tại thôn L, xã Đ, huyện Thạch Thất, Hà Nội theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất T 039678 do UBND huyện Thạch Thất cấp ngày 17/12/2001 cho Hộ ông Kiều Cao S, sang tên

tặng cho ông Kiều Cao S và bà Kiều Thị T theo biên bản họp gia đình ngày 05/10/2011. Tài sản thế chấp được đăng ký thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số công chứng: 3074/2011 quyền số 07TP/CC-SCC/HĐTC ngày 10/10/2011.

Tính đến ngày 27/9/2015 ông S, bà T đã thanh toán được:

Gốc: 83.928.489 đồng;

Lãi: 84.996.018 đồng;

Tổng cộng 168.924.507 đồng.

Khoản vay đã chuyển sang quá hạn kể từ ngày 05/07/2012, Ngân hàng nhiều lần đôn đốc T điều kiện cho ông S, bà T thanh toán nợ cho Ngân hàng nhưng ông S, bà T vẫn không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ.

Tính đến ngày 03/04/2017 ông S, bà T còn nợ Ngân hàng như sau:

+ Nợ gốc: 416.071.511 đồng

+ Nợ lãi trong hạn: 113.362.206 đồng

+ Nợ lãi quá hạn: 459.870.362 đồng

Tổng cộng : **989.304.079 đồng**, bằng chữ: Chín trăm tám mươi chín triệu, ba trăm L bốn nghìn, không trăm bảy mươi chín đồng.

Ngân hàng yêu cầu S và bà T PH thanh toán toàn bộ số tiền nêu trên, tổng cộng là: **989.304.079 đồng** và tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đối với số tiền nợ gốc kể từ ngày 4/4/2017 cho đến khi thanh toán xong số tiền nợ gốc.

Trường hợp ông S, bà T không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng đề nghị xử lý tài sản bảo đảm nêu trên để thu hồi nợ. Nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông S, bà T PH có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam.

Bị đơn là ông Kiều Cao S và bà Kiều Thị T trình bày:

Năm 2011, ông, bà có vay của Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam số tiền 500 triệu đồng. Ông, bà đã nhận đủ số tiền vay theo Khế ước nhận nợ số: 053.1/KUNN1-VIB058/11 ngày 11/10/2011. Mục đích vay để bổ sung vốn mua sắm trang thiết bị tiêu dùng. Thời hạn vay: 48 tháng . Lãi suất vay là 22.8%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Khi vay tiền, ông bà có thế chấp tài sản là quyền sử dụng 209m² đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 416 tờ bản đồ số 13 thuộc thôn L, xã Đ, huyện Thạch Thất, Hà Nội. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông, bà.

Ông, bà đã trả được số tiền gốc, lãi là:

Trả gốc: 83.928.489 đồng;

Trả lãi: 84.996.018 đồng.

Tổng cộng: 168.924.507 đồng.

Tính đến ngày 03/04/2017 ông, bà còn nợ Ngân hàng các khoản gốc, lãi như sau:

+ Nợ gốc: 416.071.511 đồng

+ Nợ lãi: 113.362.206 đồng

+ Nợ lãi quá hạn: 459.870.362 đồng

Tổng cộng : **989.304.079 đồng** (Chín trăm tám mươi chín triệu ba trăm L bốn nghìn không trăm bảy mươi chín đồng).

Trước yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, ông, bà xác định hiện tại không có khả năng để thanh toán toàn bộ nợ gốc, lãi cho Ngân hàng nên đề nghị được trả dần tiền gốc mỗi năm 80 triệu đồng, bắt đầu từ tháng 6/2017, còn tiền lãi xin Ngân hàng miễn cho toàn bộ từ trước tới nay.

Tại phiên họp ông Bốn chỉ đồng ý giãn nợ cho bà T 4 tháng và không đồng ý yêu cầu xin miễn tiền lãi của bà T. Bà T xác định không có khả năng để thanh toán ngay toàn bộ số nợ gốc nên xin trả dần số tiền gốc trong thời hạn 5 năm và xin miễn toàn bộ tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc Tế Việt Nam giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 0100233488, đăng ký thay đổi lần thứ 28 ngày 05/3/2014.

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc Tế Việt Nam yêu cầu ông T, bà Nga trả số tiền nợ gốc là 416.071.511 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng:

Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc Tế Việt Nam và ông S, bà T ký hợp đồng tín dụng số: 053/HDTD1-VIB058/11 ngày 11/10/2011 và các khế ước nhận nợ số 053.01/KUNN1-VIB058/11 ngày 11/10/2011, theo đó Ngân hàng đã giải ngân số tiền 500.000.000 đồng cho ông S, bà T. Mục đích vay: bổ sung vốn mua sắm trang thiết bị tiêu dùng. Thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày 11/10/2011. Lãi suất vay: 22,8%/năm, áp dụng tại thời điểm giải ngân, điều chỉnh 03 tháng/lần bằng lãi

suất điều chuyển vốn kinh doanh VND kỳ hạn 03 tháng của VIB cộng lãi biên 4,8%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Quá trình thực hiện nghĩa vụ trả nợ, ông S, bà T đã trả được số tiền gốc, lãi là:

Trả gốc: 83.928.489 đồng;

Trả lãi: 84.996.018 đồng.

Tổng cộng: 168.924.507 đồng.

Tính đến ngày 3/4/2017, ông S, bà T còn nợ Ngân hàng các khoản sau:

+ Nợ gốc: 416.071.511 đồng

+ Nợ lãi trong hạn: 113.362.206 đồng

+ Nợ lãi quá hạn: 459.870.362 đồng

Tổng cộng : **989.304.079 đồng** (Chín trăm tám mươi chín triệu ba trăm L bốn nghìn không trăm bảy mươi chín đồng).

Quá trình giải quyết tại toà án cũng như tại phiên toà hôm nay, bà Hương, ông Bốn, bà T xác nhận khoản nợ gốc là 416.071.511 đồng tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc Tế Việt Nam. Do vậy, đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam đối với khoản nợ gốc này.

Xét yêu cầu của Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam về khoản tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn, tổng cộng hai khoản lãi là 573.232.568 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng tại hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ nêu trên quy định lãi suất trong hạn: 22,8%/năm, áp dụng tại thời điểm giải ngân, điều chỉnh 03 tháng/lần bằng lãi suất điều chuyển vốn kinh doanh VND kỳ hạn 03 tháng của VIB cộng lãi biên tối thiểu 4,8%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Ngân hàng đã tính toán khoản lãi trong hạn và lãi quá hạn tính đến ngày 3/4/2017 là 573.232.568 đồng. Bà T đồng ý với cách tính lãi trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ nêu trên. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn. Như vậy, tổng số tiền gốc, lãi ông S, bà T phải thanh toán cho Ngân hàng tính đến ngày 3/4/2017 là **989.304.079 đồng** (Chín trăm tám mươi chín triệu ba trăm L bốn nghìn không trăm bảy mươi chín đồng).

Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc xử lý tài sản bảo đảm của khoản vay, Hội đồng xét xử nhận thấy: Để đảm bảo cho khoản vay của hợp đồng tín dụng nêu trên, ông S, bà T đã dùng tài sản của mình để thế chấp, cụ thể là:

- Thửa đất số 416, tờ bản đồ số 13, diện tích 209m² tại thôn L, xã Đ, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: T039678,

số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 00738/QSDD/968/QĐ-UB-H do Ủy ban nhân dân huyện Thạch Thất cấp cho hộ ông Kiều Cao S ngày 17/12/2001. Ngày 6/10/2011 ông Kiều Cao S và bà Kiều Thị T nhận cho tặng quyền sử dụng thửa đất theo Biên bản họp gia đình được Ủy ban nhân dân xã Đ chứng thực ngày 5/10/2011.

Các bên đã ký hợp đồng thế chấp và làm thủ tục đăng ký thế chấp. Các thủ tục thế chấp này HĐXX xem xét thấy rằng phù hợp với các quy định tại điều 343 Bộ luật dân sự năm 2005, khoản 1, điều 12 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm, điều 130 Luật đất đai năm 2003. Do vậy, hợp đồng thế chấp giữa các bên là hợp pháp và phát sinh hiệu lực pháp luật nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về án phí: Ông S, bà T pH chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

Quyết định:

Căn cứ vào các điều 30, điều 147, điều 273, điều 278 và điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 343, 305, 351 Bộ luật dân sự 2005;

Căn cứ điều 130 Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;

Căn cứ điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2016.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc Tế Việt Nam, buộc ông S, bà T phải thanh toán số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng số: 053/HDTD1-VIB058/11 ngày 11/10/2011, được thực hiện bằng khế ước nhận nợ số 053.1/KUNN1-VIB058/11 ngày 11/10/2011 tính đến ngày 3/4/2017 gồm các khoản nợ sau:

+ Nợ gốc: 416.071.511 đồng

+ Nợ lãi trong hạn: 113.362.206 đồng

+ Nợ lãi quá hạn: 459.870.362 đồng

Tổng cộng : **989.304.079 đồng** (Chín trăm tám mươi chín triệu ba trăm L bốn nghìn không trăm bảy mươi chín đồng).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, ông S, bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc Tế Việt Nam có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ gồm:

Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 416, tờ bản đồ số 13, diện tích 209m² tại thôn L, xã Đ, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: T039678, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 00738/QSDĐ/968/QĐ-UB-H do Ủy ban nhân dân huyện Thạch Thất cấp cho hộ ông Kiều Cao S ngày 17/12/2001. Ngày 6/10/2011 ông Kiều Cao S và bà Kiều Thị T nhận cho tặng quyền sử dụng thửa đất theo Biên bản họp gia đình được Ủy ban nhân dân xã Đ chứng thực ngày 5/10/2011.

Kể từ ngày 4/4/2017, người pH thi hành án còn pH tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với số tiền nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi trả xong nợ gốc.

Về án phí: Ông S, bà T phải chịu 41.679.000 đồng (bốn mươi một triệu, sáu trăm bảy mươi chín nghìn đồng). Hoàn trả Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc Tế Việt Nam số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 20.000.000 đồng theo biên lai số AA/2015/0000302 ngày 20/4/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt cú quyền không cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân TP Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Các đương sự;
- THA, VKSND huyện Thạch Thất;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ngọc Yên